

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HÓA
TỈNH THANH HÓA**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 217/2020/HSST
Ngày: 31/7/2020.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA, TỈNH THANH HÓA

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Hà.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Huy Huân.
Bà Lê Thị Loan.

Thư ý Tòa án ghi biên bản phiên tòa: bà Hà Thị Long - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện VKSND thành phố Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 31/7/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa - Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa đưa ra xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 176/2020/HSST ngày 02/6/2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 191 ngày 23/6/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 89 ngày 08/7/2020, đối với các bị cáo:

1/ Lê Văn T: sinh 1974; nơi cư trú: thôn V, xã H, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Văn hóa: 7/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông: Lê Văn H (đã chết), con bà: Nguyễn Thị T - sinh 1935; vợ: Phạm Thị L - sinh 1974, có 02 con (con lớn sinh 1999, con nhỏ sinh 2006); Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: tại bản án HSST số 20 ngày 06/3/2009 của TAND huyện H, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 9.000.000đ về tội “Đánh bạc”, chấp hành xong bản án ngày 27/4/2009; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt tại phiên tòa.

2/ Lê Huy S: sinh 1990; nơi cư trú: thôn V, xã H, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Văn hóa: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông: Lê Huy C - sinh 1960, con bà Lê Thị C - sinh 1960; Tiền án, tiền sự: không; Tạm giữ từ ngày 29/02/2020 đến 06/3/2020 thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt tại phiên tòa.

3/ Đỗ Văn Đ: sinh 1987; nơi cư trú: phố Sơn Vạn, phường Đông Hải, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông: Đỗ Văn T - sinh 1960, con bà: Nguyễn Thị H - sinh 1961; vợ: Lê Thị P - sinh 1990, có 02 con (lớn sinh 2011, nhỏ sinh 2017); Tiền án, tiền sự: không; Tạm giữ từ ngày 29/02/2020 đến 06/3/2020 thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt tại phiên tòa.

4/ Nguyễn Trọng T: sinh 1977; nơi cư trú: thôn P, xã H, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Văn hóa: 09/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông: Nguyễn Trọng T (đã chết), con bà Nguyễn Thị K - sinh 1947; vợ: Nguyễn Thị P, có 02 con (lớn sinh 2002, nhỏ sinh 2004); Tiền án, tiền sự: không; Tạm giữ từ ngày 29/02/2020 đến 06/3/2020 thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt tại phiên tòa.

5/ Nguyễn Trọng L: sinh 1991; nơi cư trú: thôn V, xã H, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Văn hóa: 11/12; Nghề nghiệp: lao động tự do; con ông: Nguyễn Trọng N - sinh 1958, con bà Nguyễn Thị H - sinh 1960; vợ: Nguyễn Thị N - sinh 1991, có 03 con (lớn nhất sinh 2013, nhỏ nhất sinh 2018); Tiền án, tiền sự: không; Tạm giữ từ ngày 29/02/2020 đến 06/3/2020 thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt tại phiên tòa.

6/ Nguyễn Đăng H: sinh 1977; nơi cư trú: thôn V, xã H, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Văn hóa: 9/12; Nghề nghiệp: lao động tự do; con ông: Nguyễn Đăng Đ (đã chết), con bà Lê Thị M - sinh 1953; vợ: Cao Thị H - sinh 1982, có 03 con (lớn nhất sinh 2004, nhỏ nhất sinh 2014); Tiền án, tiền sự: không; Tạm giữ từ ngày 29/02/2020 đến 06/3/2020 thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt tại phiên tòa.

7/ Lê Huy S: sinh 1987; nơi cư trú: thôn V, xã H, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông: Lê Huy C - sinh 1960, con bà Lê Thị C - sinh 1960; vợ: Nguyễn Thị T - sinh 1992, có 02 con (lớn sinh 2014, nhỏ sinh 2016); Tiền án, tiền sự: không; Tạm giữ từ ngày 29/02/2020 đến 06/3/2020 thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt tại phiên tòa.

8/ Nguyễn Đức T: sinh 1973; nơi cư trú: thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Văn hóa: 7/10; Nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông: Nguyễn Đức O - sinh 1947, con bà: Nguyễn Thị H (đã chết); vợ: Nguyễn Thị N - sinh 1974, có 02 con (lớn sinh 1995, nhỏ sinh 2004); Tiền án, tiền sự: không; Tạm giữ từ ngày 29/02/2020 đến 06/3/2020 thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào hồi 21h30' ngày 29/02/2020, nhận được tin báo của quần chúng nhân dân, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thành phố T đã phát hiện bắt quả tang tại gia đình Lê Văn T (ở thôn V, xã H, thành phố T) có hai nhóm đối tượng đang đánh bài ăn tiền, gồm: một nhóm chơi bài dưới hình thức ba cây cầm chương và một nhóm chơi đánh phỏm.

Nhóm chơi bài dưới hình thức ba cây cầm chương gồm có Lê Huy S, Đỗ Văn Đ, Nguyễn Trọng T, Nguyễn Trọng L, Nguyễn Đăng H, Lê Huy S và Nguyễn Đức T. Cơ quan điều tra đã lập biên bản phạm tội quả tang và thu giữ tang vật gồm: thu tại chiếu bạc số tiền 11.200.000đ, 36 cây bài tú lơ khơ (từ cây At đến cây 9); 01 chiếc chiếu cói; thu trên chiếc chiếu nhựa cạnh cửa ra vào số tiền 2.900.000đ do Đỗ Văn Đ ném ra khi cơ quan Công an đến; thu trong người Nguyễn Trọng T số tiền 3.050.000đ.

Nhóm chơi bài dưới hình thức đánh phỏm gồm có Nguyễn Trọng N (sinh 1958, trú tại thôn V, xã H, thành phố T); Nguyễn Trọng Q (sinh 1964, trú tại SN 36, đường N15, Khu dân cư dịch vụ T, phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương); Lê Văn H (sinh 1969, trú tại thôn V, xã H, thành phố T) và Nguyễn Hữu T (sinh 1968, trú tại thôn V, xã H, thành phố T). Cơ quan điều tra đã lập biên bản vi phạm hành chính và thu giữ vật chứng gồm: 01 chiếc chiếu nhựa, 02 bộ bài tú lơ khơ đã qua sử dụng (mỗi bộ 52 cây) và 3.200.000đ.

Quá trình điều tra, các bị cáo và các đối tượng khai nhận: chiều ngày 29/02/2020, Lê Huy S, Đỗ Văn Đ, Nguyễn Trọng T, Nguyễn Trọng L, Nguyễn Đăng H, Lê Huy S, Nguyễn Đức T, Nguyễn Trọng N, Nguyễn Trọng Q, Lê Văn H, Nguyễn Hữu T đến nhà Lê Văn T ăn giỗ. Sau khi ăn xong thì rủ nhau chơi bài ăn tiền; Nguyễn Trọng N, Nguyễn Trọng Q, Lê Văn H, Nguyễn Hữu T ngồi tại phòng khách đánh phỏm; Lê Huy S, Đỗ Văn Đ, Nguyễn Trọng T, Nguyễn Trọng L, Nguyễn Đăng H, Lê Huy S, Nguyễn Đức T ngồi ngoài hè đánh bài dưới hình thức ba cây cầm chương. Các bị cáo sử dụng chiếu và bài có sẵn ở nhà Lê Văn T để chơi. Lê Văn T biết việc mọi người đánh bài ăn tiền nhưng không phản đối, không ngăn cản mà đồng ý cho mọi người đánh bạc tại nhà mình. Tất cả đánh đến 21h30 cùng ngày thì bị Cơ quan điều tra - Công an thành phố Thanh Hóa bắt quả tang, Đỗ Văn Đ cầm số tiền 2.900.000đ dưới chiếu bạc ném sang chiếu đánh phỏm nhưng bị công an phát hiện, thu giữ.

Hình thức đánh bài ba cây cầm chương và tỷ lệ thắng thua cụ thể như sau: dùng bộ bài tú lơ khơ chỉ lấy 36 cây, từ cây Át đến cây 9, chia đều cho mỗi người chơi 03 cây, ai cao điểm nhất thì người đó được cầm chương. Những người đánh so sánh điểm với người cầm chương, nếu cao điểm hơn thì thắng và được ăn tiền bằng số tiền mà mình đặt cửa, nếu thấp điểm hơn thì phải trả tiền cho người cầm chương. Nếu trong ván có người được 10 điểm thì người đó sẽ là người cầm chương ván sau. Khi có người chơi được “sáp” (nghĩa là ba cây bài cùng đơn vị) thì sẽ được thắng gấp ba lần số tiền đặt cửa. Khi có người chơi được “đồng hoa” (ba cây cùng chất) thì sẽ được thắng gấp 4 lần số tiền đặt cửa. Khi bằng điểm với người cầm chương thì so sánh theo thứ tự giảm dần các chất có trong bài “rô, cơ, tép, bích”. Các bị cáo thống nhất tiền đặt cửa thấp nhất là 50.000đ/ván.

* Về số tiền đánh bạc được xác định như sau:

- Khi bắt quả tang, cơ quan Công an thu giữ tại chiếc bạc số tiền 11.200.000đ; thu 2.900.000đ do Đ lấy dưới chiếc bạc ném ra ngoài; thu trên người T 3.050.000đ.

- Các bị cáo khai báo: khi đánh bạc Lê Huy S sử dụng 5.000.000đ, Đỗ Văn Đ sử dụng 3.300.000đ, Nguyễn Trọng T sử dụng 3.050.000đ (lúc bắt quả tang T cất số tiền này trong ví), Nguyễn Trọng L sử dụng 1.800.000đ, Nguyễn Đăng H sử dụng 700.000đ, Nguyễn Đức T sử dụng 400.000đ, Lê Huy S sử dụng 350.000đ. Số tiền này các bị cáo đều và sẽ sử dụng hết vào việc đánh bạc.

Như vậy, số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc không trùng khớp với số tiền cơ quan điều tra thu giữ. Tuy nhiên, các bị cáo đều thừa nhận số tiền 11.200.000đ thu giữ tại chiếc bạc và 2.900.000đ Đ lấy tại chiếc bạc ném ra ngoài khi bị bắt quả tang là số tiền các bị cáo đánh bạc và số tiền 3.050.000đ thu trên người bị cáo T sử dụng vào mục đích đánh bạc. Vì vậy, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về số tiền đánh bạc là 17.150.000đ (mười bảy triệu, một năm năm mươi ngàn đồng).

* Đối với Nguyễn Trọng N, Nguyễn Trọng Q, Lê Văn H, Nguyễn Hữu T đã có hành vi đánh bài ăn tiền dưới hình thức đánh “phỏm”. Tuy nhiên, số tiền đánh bạc chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự và các đối tượng này chưa có tiền án, tiền sự về các tội đánh bạc, tổ chức đánh bạc nên đã bị cơ quan Công an thành phố T xử phạt hành chính.

Tại bản cáo trạng số 165/CT-VKS ngày 29/5/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa truy tố bị cáo Lê Văn T về tội “Tổ chức đánh bạc” theo quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều 322 BLHS; truy tố các bị Lê Huy S, Đỗ Văn Đ, Nguyễn Trọng T, Nguyễn Trọng L, Nguyễn Đăng H, Lê Huy S, Nguyễn Đức T về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện VKSND thành phố T vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo như nội dung cáo trạng và đề nghị HĐXX:

* Áp dụng điểm b, c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 BLHS.

Xử phạt: bị cáo Lê Văn T từ 12 đến 15 tháng tù.

* Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 BLHS (đối với bị cáo Lê Huy S, Nguyễn Trọng T).

* Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 BLHS (đối với bị cáo Đỗ Văn Đ, Nguyễn Trọng L).

Xử phạt: các bị cáo Lê Huy S, Đỗ Văn Đ, Nguyễn Trọng L, Nguyễn Trọng T mỗi bị cáo từ 09 đến 12 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng.

* Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 BLHS.

Xử phạt: các bị cáo Nguyễn Đăng H, Lê Huy S mỗi bị cáo từ 15 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ thời gian tạm giữ 06 ngày, quy đổi thành 18 ngày cải tạo không giam giữ.

* Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 35 BLHS.

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Đức T từ 20.000.000đ đến 25.000.000đ.

Miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo Nguyễn Đăng H, Lê Huy S.

Về hình phạt bổ sung: các bị cáo Lê Văn T, Đỗ Văn Đ, Lê Huy S, Lê Huy S, Nguyễn Đăng H có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

Phạt bổ sung các bị cáo Nguyễn Trọng L, Nguyễn Trọng T mỗi bị cáo từ 15.000.000đ đến 20.000.000đ sung quỹ Nhà nước.

Về tang vật: tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 20.350.000đ (tiền các bị cáo và các đối tượng khác đánh bạc); tịch thu tiêu hủy 02 bộ bài tú lơ khơ 52 cây đã qua sử dụng, 01 bộ bài tú lơ khơ 36 cây (từ At đến 9) đã qua sử dụng là công cụ phương tiện phạm tội, 01 chiếc chiếu cói màu nâu, 01 chiếu nhựa màu nâu vàng vì không còn giá trị sử dụng.

Về án phí: các bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa các bị cáo nhận tội, không có ý kiến tự bào chữa và tranh luận. Lời nói sau cùng các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Thanh Hóa, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đều thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo qui định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Lê Huy S, Đỗ Văn Đ, Nguyễn Trọng T, Nguyễn Trọng L, Nguyễn Đăng H, Lê Huy S, Nguyễn Đức T khai nhận: vào khoảng 21h30' ngày 29/02/2020 tại gia đình bị cáo Lê Văn T ở thôn V, xã H, thành phố T, các bị cáo đang có hành vi đánh bạc ăn tiền bằng hình thức đánh ba cây thì bị Công an thành phố T phát hiện bắt quả tang, thu giữ tại chiếu bạc số tiền 11.200.000đ, thu 2.900.000đ Đ lấy tại chiếu bạc ném ra ngoài, thu 3.050.000đ trên người bị cáo T sử dụng vào mục đích đánh bạc. Tổng số tiền các bị cáo đánh bạc là 17.150.000đ (mười bảy triệu, một trăm năm mươi ngàn đồng).

Bị cáo Lê Văn T khai nhận: mặc dù biết mọi người lập thành hai nhóm, sử dụng chiếu và bài có sẵn tại nhà mình để đánh bài ăn tiền nhưng đồng tình cho chơi, không ngăn cản, còn mang nước và hoa quả phục vụ, tuy nhiên không có hành vi thu lợi bất chính. Tổng số tiền của 02 chiếu đánh bài là 20.350.000đ (hai mươi triệu, ba trăm năm mươi ngàn đồng).

Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng, với các tài liệu chứng cứ khác thu thập có trong hồ sơ vụ án; phù hợp với kết quả xét hỏi và tranh tụng tại phiên tòa hôm nay. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: hành vi đánh bạc trái phép, sát phạt nhau bằng tiền của các bị cáo, khi bị bắt quả tang thu giữ số tiền đánh bạc là 17.150.000đ đã phạm tội “Đánh bạc” theo qui định tại khoản 1 Điều 321 BLHS. Đối với bị cáo T đã sử dụng địa điểm là nhà ở thuộc quyền sở hữu của mình cho hai chiếu bạc cùng một lúc, có tổng số tiền dùng đánh bạc trong cùng một lần trị giá 20 triệu đồng trở lên, đã phạm tội “Tổ chức đánh bạc” theo qui định tại điểm b, c khoản 1 Điều 322 BLHS, như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm:

Vụ án mang tính chất ít nghiêm trọng và mang tính đồng phạm giản đơn. Các bị cáo thực hiện hành vi đánh bạc trái phép bằng hình thức đánh ba cây, có tính chất sát phạt nhau được thua bằng tiền là hành vi vi phạm pháp luật. Đánh bạc là một tệ

nạn xã hội bị pháp luật nghiêm cấm, là nguyên nhân dẫn đến nhiều tệ nạn xã hội khác. Nhận thức được điều đó nhưng do ham chơi, vụ lợi, các bị cáo đã rủ nhau đánh bạc, sát phạt để thu lời bất chính.

Bị cáo Lê Văn T nhận thức được việc cho người khác đánh bạc trái phép tại nhà ở thuộc quyền sở hữu của mình là vi phạm pháp luật nhưng không ngăn cản mà còn cho phép, đã tạo điều kiện cho các bị cáo khác thực hiện hành vi vi phạm pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm tới trật tự công cộng, gây mất trật tự trị an xã hội, ảnh hưởng đến nếp sống văn hóa văn minh, gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân, là nguyên nhân làm phát sinh nhiều loại tội phạm và các tệ nạn khác, do đó cần phải được xử lý nghiêm minh theo pháp luật hình sự.

[4] Về vai trò của các bị cáo:

Bị cáo Lê Văn T phạm tội với vai trò độc lập, đã tạo điều kiện cho các bị cáo khác thực hiện hành vi đánh bạc trái phép nên giữ vai trò thứ nhất trong vụ án.

Các bị cáo còn lại phạm tội mang tính đồng phạm giản đơn, đều thực hiện hành vi đánh bạc trái phép được thua bằng tiền nên có vai trò thứ hai trong vụ án.

Song khi quyết định hình phạt cần xem xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo để cá thể hóa hình phạt cho phù hợp.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân các bị cáo:

* Về tình tiết tăng nặng: các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng.

* Tình tiết giảm nhẹ:

- Các bị cáo đều có chung tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo.
- Các bị cáo Lê Huy S, Đỗ Văn Đ, Nguyễn Trọng T, Nguyễn Trọng L, Nguyễn Đăng H, Lê Huy S, Nguyễn Đức T có chung tình tiết giảm nhẹ là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.
- Bị cáo Lê Văn T có công tố giác tội phạm với Công an xã H, Công an xã, huyện Hoàng Hóa trong phong trào đấu tranh phòng chống tội phạm; có bố để tham gia kháng chiến chống Pháp được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba (xác nhận của UBND xã H).
- Bị cáo Lê Huy S có bố để được tặng thưởng Huy chương chiến công hạng ba vì đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ Quốc tế giúp cách mạng nước bạn Lào.
- Bị cáo Nguyễn Trọng T có bố để là thương binh loại A.

- Bị cáo Nguyễn Đăng H có thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự, phục vụ trong quân đội (từ ngày 19/3/1996 đến 27/02/1999); có bố đẻ là thương binh loại A, được tặng thưởng Huân chương chiến sĩ giải phóng do có thành tích trong chiến đấu và phục vụ chiến đấu trong công cuộc chống Mỹ cứu nước; có mẹ đẻ tham gia thanh niên xung phong.

- Bị cáo Lê Huy S có thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự, phục vụ trong quân đội (từ tháng 3/2008 đến tháng 01/2010); có bố đẻ được tặng thưởng Huy chương chiến công hạng ba vì đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ Quốc tế giúp cách mạng nước bạn Lào.

- Bị cáo Nguyễn Đức T có công báo với Công an xã H về hành vi gây rối làm mất trật tự công cộng trên địa bàn xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Vì vậy, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo qui định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS (đối với bị cáo T); điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS (đối với bị cáo Đ và L); điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS (đối với bị cáo T, S, S, H, T) để xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt.

Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy:

Đối với bị cáo Lê Văn T ngày 06/3/2009 bị TAND huyện H, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 9.000.000đ về tội “Đánh bạc” nhưng không lấy đó làm bài học để tu dưỡng rèn luyện mà vẫn tiếp tục thực hiện hành vi vi phạm pháp luật nên cần cách ly khỏi đời sống xã hội để giáo dục cải tạo và răn đe phòng ngừa chung.

Các bị cáo còn lại có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng ổn định, ngoài lần vi phạm này không có vi phạm gì khác, luôn chấp hành đúng chính sách, pháp luật, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của công dân nơi cư trú, phạm tội ít nghiêm trọng, có khả năng tự cải tạo và nếu không bắt đi chấp hành hình phạt tù cũng không ảnh hưởng đến cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm chung. Vì vậy, HĐXX xét thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo khỏi xã hội mà áp dụng Điều 65 BLHS cho bị cáo Lê Huy S, Đỗ Văn Đ, Nguyễn Trọng L, Nguyễn Trọng T được hưởng án treo, cải tạo tại địa phương; áp dụng Điều 36 BLHS cho bị cáo Nguyễn Đăng H, Lê Huy S được hưởng mức án cải tạo không giam giữ, dưới sự giám sát giáo dục của gia đình và chính quyền địa phương; bị cáo Nguyễn Đức T áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền cũng đủ sức giáo dục đối với các bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

Quá trình điều tra, các bị cáo Nguyễn Đăng H, Lê Huy S đều bị tạm giữ 06 ngày (từ 29/02/2020 đến 06/3/2020), vì vậy thời gian các bị cáo bị tạm giữ được quy đổi theo quy định tại khoản 1 Điều 36 BLHS cứ 01 ngày tạm giữ bằng 03 ngày

cải tạo không giam giữ (03 ngày x 6 = 18 ngày) để trừ vào thời gian chấp hành hình phạt của các bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Đăng H, Lê Huy S có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, không có thu nhập ổn định nên miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo.

Đối với bị cáo được hưởng án treo thì ấn định thời gian thử thách theo quy định pháp luật (Hướng dẫn của NQ số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của HĐTP - TAND Tối cao).

[6] Về hình phạt bổ sung: bị cáo Nguyễn Đức T áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Bị cáo Lê Văn T, Đỗ Văn Đ, Lê Huy S, Lê Huy S, Nguyễn Đăng H có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Đối với bị cáo Nguyễn Trọng T, Nguyễn Trọng L cần phạt bổ sung một khoản tiền nhất định để sung quỹ Nhà nước.

[7] Về tang vật: số tiền 20.350.000đ (là tiền các bị cáo và các đối tượng dùng để đánh bạc) cần tịch thu sung quỹ Nhà nước; 02 bộ bài tú lơ khơ 52 cây đã qua sử dụng, 01 bộ bài tú lơ khơ 36 cây (từ cây At đến cây 9) đã qua sử dụng là công cụ phương tiện phạm tội, 01 chiếc chiếu cói màu nâu, 01 chiếu nhựa màu nâu không còn giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy.

[8] Về án phí: các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: điểm b, c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 BLHS (đối với bị cáo Lê Văn T).

- Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 BLHS (đối với bị cáo Đỗ Văn Đ, Nguyễn Trọng L).

- Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 BLHS (đối với bị cáo Lê Huy S, Nguyễn Trọng T).

- Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 BLHS (đối với bị cáo Nguyễn Đăng H, Lê Huy S).

- Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 35 BLHS (đối với bị cáo Nguyễn Đức T).

- Khoản 3 Điều 321 BLHS (đối với bị cáo Nguyễn Trọng T, Nguyễn Trọng L).

- Điều 47 BLHS. Điều 106; khoản 2 Điều 136; Điều 331, Điều 332, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Mục 1 phần I Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

Tuyên bố: bị cáo Lê Văn T phạm tội “Tổ chức đánh bạc”. Các bị Lê Huy S, Đỗ Văn Đ, Nguyễn Trọng T, Nguyễn Trọng L, Nguyễn Đăng H, Lê Huy S, Nguyễn Đức T phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt:

- Bị cáo Lê Văn T 15 (mười lăm) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày thi hành án.

- Các bị cáo Lê Huy S, Đỗ Văn Đ, Nguyễn Trọng T, Nguyễn Trọng L mỗi bị cáo 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (hai tư) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Các bị cáo Nguyễn Đăng H, Lê Huy S mỗi bị cáo 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ thời gian tạm giữ 06 ngày, quy đổi thành 18 ngày cải tạo không giam giữ, còn phải chấp hành 17 (mười bảy) tháng 12 (mười hai) ngày cải tạo không giam giữ.

- Bị cáo Nguyễn Đức T 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng).

Miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo Nguyễn Đăng H, Lê Huy S.

Giao các bị cáo Lê Huy S, Nguyễn Trọng L, Nguyễn Trọng T cho UBND xã H, thành phố T giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Đỗ Văn Đ cho UBND phường Đ, thành phố T giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo qui định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Người được hưởng án treo có thể bị Tòa án buộc chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo nếu trong thời gian thử thách mà cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên.

Thời gian cải tạo không giam giữ của bị cáo Nguyễn Đăng H, Lê Huy S được tính từ ngày UBND xã H, thành phố T nhận được hồ sơ thi hành án của Cơ quan thi hành án hình sự.

Giao bị cáo Nguyễn Đăng H, Lê Huy S cho UBND xã H, thành phố T giám sát giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Trong thời gian cải tạo không giam giữ, người bị kết án phải thực hiện nghĩa vụ theo quy định về cải tạo không giam giữ và Luật thi hành án hình sự.

Về hình phạt bổ sung: phạt bị cáo Nguyễn Trọng T và Nguyễn Trọng L mỗi bị cáo 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng) sung quỹ nhà nước.

Về tang vật: Tịch thu sung quỹ Nhà nước tổng số tiền 20.350.000đ (là tiền các bị cáo và các đối tượng dùng để đánh bạc); tịch thu tiêu hủy 02 bộ bài tú lơ khơ 52 cây đã qua sử dụng, 01 bộ bài tú lơ khơ 36 cây (từ cây At đến cây 9) đã qua sử dụng là công cụ phương tiện phạm tội và 01 chiếc chiếu cói màu nâu, 01 chiếu nhựa màu nâu vì không còn giá trị sử dụng.

Các vật chứng hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa theo biên bản giao nhận vật chứng số 168 ngày 02/7/2020 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thành phố T với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T (trong đó: đối với số tiền 20.350.000đ, đã nộp vào tài khoản của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T tại kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa 17.300.000đ, số tiền còn lại 3.050.000đ nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa).

Về án phí: mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: các bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND TP Thanh Hóa;
- Công an TP Thanh Hóa;
- Chi cục THADS TP Thanh Hóa;
- Các bị cáo.
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thu Hà